

Mường Nhé, ngày 3 tháng 09 năm 2025

CÔNG KHAI

Thực hiện Thông tư 09/TT/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 về Quy định công khai trong các hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống Giáo dục Quốc dân.

Trường Mầm non Chung Chải công khai hoạt động của nhà trường trong năm học 2025-2026 như sau:

A. Mục 1 CÔNG KHAI CHUNG

II. Điều 5: THU, CHI TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác). Từ tháng 7 -> 12 năm 2025

* Nguồn 13: Nguồn thường xuyên : 7.305.090.462 đ

* Nguồn 14 : Nguồn cải cách tiền lương : 122.232.000đ

* Nguồn 18 tiền thưởng: 253.100.000đ

* Nguồn 12: Chế độ theo nghị định

- Tiền ăn trưa trả theo nghị định 105 : 351.040.000đ

- Tiền ăn trưa trả theo nghị định 66 : 19.080.000đ

- Tiền hỗ trợ giáo viên dạy ngoài giờ : 4.200.000đ

- Tiền mua đồ dùng học tập theo nghị định 66 : 7.800.000đ

- Tiền điện, nước : 4.199.000đ

- Tiền hỗ trợ chi phí học tập: 335.400.000đ

- Tiền miễn giảm học phí: 56.900.000đ

- Tiền GV dạy lớp ghép, tăng cường Tiếng Việt: 60.750.000đ

- Tiền thuê nhân viên nấu ăn: 9.600.000đ

- Tiền chế độ học sinh khuyết tật: 44.928.000đ

- Tiền học sinh dân tộc rất ít người :98.280.000

- Tiền mua sắm thiết bị dạy học : 337.856.000đ

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên,

giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác, từ tháng 7 -> 12 năm 2025.

*Nguồn 13: Chi thường xuyên

- Chi lương và phụ cấp lương biên chế : Lương: 5.640.762.396đ
- Chi lương theo hợp đồng lao động: 36.000.000đ
- Chi các khoản khác tính chất theo lương :672.169.200đ
- Chi tàu xe nghỉ phép: 27.740.000đ
- Chi dịch vụ công cộng, thông tin liên lạc: 10.392.900đ
- Chi sửa chữa các thiết bị tin học: 8.830.000đ
- Chi mua hàng hóa vật tư: 64.614.800đ
- Chi phần mềm, sách tài liệu, bồi dưỡng thường xuyên : 23.225.800đ

*Nguồn 18 : Tiền khen thưởng: 253.100.000đ

*Nguồn 14: cải cách tiền lương chi : 0đ

*Nguồn 12 : Chế độ theo nghị định

- Tiền ăn trưa trả theo nghị định 105 : 351.040.000đ
- Tiền ăn trưa trả theo nghị định 66 : 19.080.000đ
- Tiền hỗ trợ giáo viên dạy ngoài giờ : 4.200.000đ
- Tiền mua đồ dùng học tập theo nghị định 66 : 7.800.000đ
- Tiền điện, nước : 749.600đ
- Tiền hỗ trợ chi phí học tập: 335.400.000đ
- Tiền cấp bù học phí: 56.900.000đ
- Tiền GV dạy lớp ghép, tăng cường Tiếng Việt: 60.750.000đ
- Tiền thuê nhân viên nấu ăn: 9.600.000đ
- Tiền chế độ học sinh khuyết tật: 44.928.000đ
- Tiền học sinh dân tộc rất ít người :98.280.000đ
- Tiền mua sắm thiết bị dạy học : 298.926.345đ

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

- Thu học phí 4 tháng cuối năm 2025: 0 đ

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

Miễn giảm 4 tháng cuối năm 2025:

- 569 hs x 25.000 x 4tháng = 56.900.000đ

Tổng cộng: 56.900.000đ

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Trần Thị Hoa